TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Thái Bình Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 498/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số F, ấp L, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Căn cước công dân: 083184000578, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số H, đường Đ, Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Võ Văn D, Tổ D, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân: 079077008671, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025 và quá trình giải quyết, bà Phan Thanh T là nguyên đơn trình bày:

Bà Phan Thanh T và ông Nguyễn Minh P chung sống từ năm 2001 đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn bà Phan Thanh T và ông Nguyễn Minh P sinh sống tại số H, đường Đ, khu phố A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Do ông Nguyễn Minh P có người phụ nữ khác và bỏ nhà đi nơi khác sinh sống nên hai vợ chồng ly thân 02 năm không hàn gắn được, bà T đã đưa các con về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Bến Tre sinh sống đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm với ông P và vợ chồng đã ly thân không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Minh P.

Bà Phan Thanh T và ông Nguyễn Minh P có 03 con chung gồm: Nguyễn Minh H, sinh ngày 26/10/2001; Nguyễn Phan Phương T1, sinh ngày 27/02/2010 và Nguyễn Phan Phương T2, sinh ngày 25/9/2011. Hiện nay các con chung đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Phan Phương T1 và Nguyễn Phan Phương T2; không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Minh H đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay bà T đang làm công nhân may thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Minh P. Tuy nhiên, ông P không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Phan Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh P đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng

xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Minh P về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/01/2026, bà Phan Thanh T là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh T và ông Nguyễn Minh P tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2004 ngày 10/02/2004 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà Phan Thanh T xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông P không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau, bà T xác định không còn tình cảm và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông P. Bị đơn ông Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông P không có thiện chí trong việc hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thanh T đối với ông Nguyễn Minh P là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Phan Thanh T và ông Nguyễn Minh P có 03 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 26/10/2001; Nguyễn Phan Phương T1, sinh ngày 27/02/2010 và Nguyễn Phan Phương T2, sinh ngày 25/9/2011. Từ thời điểm bà T và ông P không còn sống chung thì cháu T1 và cháu T2 sinh sống cùng với bà T tại tỉnh Bến Tre; các cháu có nguyện vọng sống cùng với bà T. Do đó, việc giao cháu T1 và cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù

hợp. Đối với cháu Nguyễn Minh H đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thanh T không yêu cầu ông Nguyễn Minh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thanh T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Minh P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh P.

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Phan Phương T1, sinh ngày 27/02/2010 và Nguyễn Phan Phương T2, sinh ngày 25/9/2011 cho bà Phan Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Cháu Nguyễn Minh H đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053694 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND P. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga